**MỐI QUAN HỆ GIỮA HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ  
NĂNG LỰC SÁNG TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC – ĐỊNH HƯỚNG TRONG BỐI CẢNH QUẢN LÝ SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở   
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM**

***Phạm Thị Thuý Hằng[[1]](#footnote-1)\****

**TÓM TẮT**

*Bài báo hướng tới mục tiêu đề xuất những định hướng trong quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ nhằmnâng cao năng lực sáng tạo của các trường đại học Việt Nam. Trên cơ sở sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, nghiên cứu tình huống, bài báo tập trung làm rõ các vấn đề: (1) hoạt động sở hữu trí tuệ ở trường đại học; (2) năng lực sáng tạo của trường đại học; (3) khái quát bức tranh chung về năng lực sáng tạo của các trường đại học trên thế giới, đồng thời (4) phân tích mối quan hệ giữa hoạt động sở hữu trí tuệ và năng lực sáng tạo của trường đại học.*

***Từ khóa:*** năng lực sáng tạo của trường đại học; sở hữu trí tuệ; quản lý sở hữu trí tuệ ở trường đại học.

**ABSTRACT**

***The relationship between intellectual property and creative capacity of universities – Directions for the management context intellectual property in university of Viet Nam***

*This articleto the target to the given instruction of the management for the database for the creation of the creation of the university of Vietnam. On the use of the parsing method, total aggregational, business development, the problem report the problem are problems: (1) the database is found in the university; (2) to create creation of the university; (3) general large painting for the creation of the creation of the school of the general education, the current parsing (4) relationship relationship between the own own own own and creation the creation of the school.*

***Keywords:*** university’s creative capacity; intellectual property; university’s intellectual property management.

**1. Giới thiệu**

SHTT là một hướng nghiên cứu được quan tâm tại nhiều nước trên thế giới, khi tiếp cận nghiên cứu về hoạt động sở hữu trí tuệ (SHTT) ở trường đại học (ĐH), nhiều tác giả đề cập đến mối quan hệ giữa hoạt động SHTT với năng lực đổi mới, sáng tạo của quốc gia và của trường ĐH như: Cullet & Kameri-Mbote (2005); Blakeney & Mengistie (2011); Sara Medina& Kai Zhang (2014); Constantinescu & cộng sự (2016). Các nghiên cứu về thực tiễn quản lý hoạt động SHT Ttrong trường ĐH cũng cho thấy hầu hết các trường ĐH áp dụng thành công mô hình, chính sách quản lý hoạt động SHTT đã tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động bảo vệ quyền SHTT và chuyển giao công nghệ (CGCN) của trường ĐHcũng như có vị trí xếp hạng cao trong khu vực và trên thế giới(theo kết quả trong bảng xếp hạng các trường ĐH trên thế giới (QS - Quacquarelli Symonds), đồng thời là những trường ĐH được đánh giá có chỉ số sáng tạo cao (dựa trên thống kê phân tích số liệu về nộp đơn sáng chế (SC), các bài báo khoa học cũng nhưcác trích dẫn trong cơ sở dữ liệu về sáng chế, thông tin khoa học và công nghệ (KH &CN), về việc thương mại hóa các thành tựu nghiên cứu KH &CN. Trong đó, có thể nhấn mạnh các nghiên cứu đến tiêu biểu như: Giorgio (2006); Guo (2007); Wang (2012); Nhóm nghiên cứu Sabrina, Valeria, Aurora, Henrique (2013). Tóm lại, có thể thấy rằng các trường ĐH trên thế giới, đặc biệt ở các nước phát triển đều nhấn mạnh tầm quan trọng của quản lý SHTT trong trường ĐH và rất quan tâm chú trọng triển khai các hoạt động quản lý SHTT trong thực tiễn thông qua các mô hình, chính sách quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bảo vệ quyền SHTT và CGCN trong trường ĐH, qua đó nâng cao vị thế và chỉ số năng lực sáng tạo (NLST) trên toàn cầu với ý nghĩa “sáng tạo là chìa khóa để đổi mới và phát triển”.

**2. Phương pháp nghiên cứu**

Bài báo sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp nhằm làm rõ bức tranh về năng lực sáng tạo của các trường ĐH trên thế giới và khu vực Châu Á. Để rút ra được bài học kinh nghiệm và gợi ý, đề xuất định hướng trong quản lý hoạt động SHTT ở các trường ĐH Việt Nam, bài viết đưa ra nghiên cứu tình huống ở một số trường ĐH trên thế giới và trong khu vực Châu Á như: mô hình chuyển CGCNcủa ĐH Quốc gia Campinas (University of Campinas – Unicamp); mô hình quản lý SHTT ở ĐH Thanh Hoa, Trung Quốc; hệ thống pháp lý và thực tiễn chuyển giao công nghệ tại Đài Loan;mô hình quản lý SHTT và cách thức áp dụng các chính sách để giải quyết các vấn đề về quyền SHTT (IPR) cũng như cấp phép công nghệ ở 4 trường ĐH tại Brazil: ĐH Tiểu bang Campinas (Unicamp); ĐH Liên bang Minas Gerais (UFMG); ĐH Liên bang Rio de Janeiro (UFRJ); ĐH Liên bang Rio Grande do Sul (UFRGS) nhằm rút ra các bài học chính sách mà Việt Nam có thể áp dụng cho tất cả các trường ĐH trong bối cảnh quản lý hoạt động SHTT trên cả nước.

**3. Hoạt động sở hữu trí tuệ**

Ngày nay, tầm quan trọng của SHTT được đánh giá là đã vượt qua khỏi việc bảo hộ một cách đơn thuần các sáng tạo trí tuệ và trở thành một lĩnh vực vô cùng năng động đang ảnh hưởng mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống văn hoá, kinh tế xã hội của các quốc gia trên thế giới. Được coi như một tập hợp các quyền dành riêng cho các tác phẩm tri thức, hiện nay việc bảo vệ và khai thác các đối tượng SHTT đóng một vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng kinh tế của các quốc gia và trong việc bảo vệ quyền của mỗi tác giả đối với tác phẩm của mình.

Tại điều 2 của Công ước thành lập Tổ chức SHTT thế giới (WIPO) được kí tại Stockholm, Thuỵ Điển ngày 14/7/1967 quy định rằng: “SHTT bao gồm các quyền liên quan tới:Các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học; Chương trình biểu diễn của các nghệ sĩ, các bản ghi âm và chương trình phát thanh, truyền hình; Sáng chế trong tất cả các lĩnh vực sáng tạo của con người; Các phát minh khoa học; Các kiểu dáng công nghiệp; Nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu dịch vụ, các chỉ dẫn và tên thương mại; Bảo hộ chống lại cạnh tranh không lành mạnh; Và tất cả các quyền khác là kết quả của hoạt động trí tuệ trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học và công nghiệp”(Kamil Idris, 2005).Như vậy, SHTT được hiểu chia làm hai nhóm: sở hữu công nghiệp bảo hộ các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, quyền sử dụng đối với tên gọi xuất xứ hàng hóa và quyền sở hữu đối với các đối tượng khác do pháp luật quy định; và quyền tác giả bảo hộ các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học và những sáng tạo trong lĩnh vực quyền kề cận hay được gọi là quyền liên quan.

Như vậy, SHTT được hiểu là việc sở hữu các tài sản trí tuệ - một loại tài sản vô hình, là kết quả của quá trình tư duy sáng tạo trong bộ não con người.Một nền kinh tế có hàm lượng trí tuệ trong chỉ số tăng trưởng GDP tăng nhanh, sẽ tạo ra một phong trào thi đua lao động sáng tạo, đẩy mạnh các hoạt động sáng kiến - sáng chế ở cơ sở, nâng cao dân trí trong việc bảo hộ bản quyền các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học công nghệ. Ðó chính là con đường tăng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm quốc gia, giúp những quốc gia đang phát triển như Việt Nam sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu.

**4. Kết quả nghiên cứu**

***4.1. Hoạt động sở hữu trí tuệ ở trường đại học***

Các trường ĐH trên toàn thế giới đóng một vai trò hàng đầu trong việc thúc đẩy biên giới của khoa học và công nghệ, trong những năm gần đây, một mối quan tâm chính đối với các nhà hoạch định chính sách là làm thế nào để đảm bảo rằng sự giàu có của tri thức được tạo ra trong các trường đại học có thể được chuyển giao cho ngành để xã hội nói chung và doanh nghiệp địa phương nói riêng có thể hưởng lợi từ chuyên môn khoa học và công nghệ. Tầm quan trọng của SHTT ngày nay đã vượt qua khỏi việc bảo hộ một cách đơn thuần các sáng tạo trí tuệ và trở thành một lĩnh vực vô cùng năng động đang ảnh hưởng mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống văn hoá, kinh tế xã hội của các quốc gia trên thế giới. Với tư cách là những yếu tố cấu thành của xã hội hiện đại, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng cũng không nằm ngoài sự tác động trực tiếp của hệ thống SHTT (Nguyễn Thị Quế Anh, 2008). Các trường ĐH đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế tri thức bởi việc sáng tạo và phổ biến tri thức luôn là tâm điểm trong mọi hoạt động của trường ĐH, bên cạnh công tác giảng dạy và là một trung tâm nghiên cứu khoa học (NCKH), các trường ĐH đã trở thành một nguồn cung cấp lớn các kết quả sáng tạo trí tuệ có vai trò to lớn và tác động tích cực đến nền kinh tế của mỗi quốc gia.

SHTT trong trường ĐH được chúng tôi tiếp cận trong bài viết là kết quả của lao động trí tuệ phát sinh từ hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ của các tổ chức, cá nhân thuộc các đơn vị trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật… được tồn tại ở các dạng sản phẩm hữu hình và vô hình. Nghiên cứu của tác giả Trương Thùy Trang (2007) đề cập đến một quy trình hiệu quả về quản lý và khai thác SHTT bao gồm 3 giai đoạn: (1) Giai đoạn sáng tạo và hình thành tài sản SHTT; (2) Giai đoạn xác lập quyền sở hữu pháp lý SHTT; (3) Giai đoạn thương mại SHTT. Dựa trên những cơ sở nêu trên có thể hiểu quản lý SHTT trong trường ĐH là những hoạt động nhằm bảo đảm quyền sở hữu và khai thác thương mại đối với các tài sản SHTT của trường ĐH, hoạt động quản lý SHTT là tổng thể một quá trình gồm nhận diện tài sản SHTT từ kết quả hoạt động NCKH, quản lý các tài sản SHTT tránh thất thoát, xác lập quyền SHTT, chống lại các hành vi xâm phạm quyền SHTT và khai thác thương mại SHTT.

***4.2. Khái quát về năng lực sáng tạo của trường đại học trên thế giới***

***4.2.1. Năng lực sáng tạo của trường đại học***

Hàng năm, dưới những góc nhìn khác nhau, nhiều tổ chức đưa ra các thống kê, phân tích để đo lường NLST của mỗi quốc gia, của các trường ĐH hay các doanh nghiệp, trong đó, bắt đầu từ năm 2015, Reuters - [hãng thông tấn](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A3ng_th%C3%B4ng_t%E1%BA%A5n) lớn nhất [thế giới](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_gi%E1%BB%9Bi) (Reuters Group plc) tiến hành xếp hạng NLST các trường ĐH trên thế giới. Được biên soạn cùng với Clarivate Analytics (trước đây là doanh nghiệp sở hữu trí tuệ và khoa học của Thomson Reuters), bảng xếp hạng của Reuters là danh sách xác định và xếp hạng các cơ sở giáo dục đang làm việc nhiều nhất để thúc đẩy khoa học và sáng tạo ra các công nghệ mới. Để phân tích và xếp hạng các trường ĐH sáng tạo nhất thế giới, Reuters News dựa vào dữ liệu được biên soạn bởi Clarivate Analytics về các nền tảng nghiên cứu của các trường ĐH: InCites, Web of Science, Chỉ số Đổi mới Derwent, Chỉ số Bằng sáng chế Derwent và Chỉ số Bằng sáng chế. Quá trình này bắt đầu bằng việc xác định khoảng 600 tổ chức học thuật trên toàn cầu (bao gồm các tổ chức giáo dục, tổ chức từ thiện phi lợi nhuận và các phòng thí nghiệm do chính phủ tài trợ), sau đó, tiến hành đánh giá từng ứng cử viên trên 10 số liệu khác nhau, tập trung vào các bài báo học thuật (nghiên cứu cơ bản) và các bản đệ trình bằng sáng chế (chỉ ra khả năng áp dụng nghiên cứu và thương mại hóa các phát minh của tổ chức này) và xếp hạng dựa vào thành tích của họ. Như vậy, có thể thấy rằng, việc xếp hạng các trường ĐH sáng tạo đã góp phần cung cấp một bức tranh về những thành tích về nghiên cứu của các trường ĐH trên thế giới và trong khu vực hướng tới tạo ra công nghệ hữu ích và kích thích nền kinh tế toàn cầu.

***4.2.2. Bức tranh về năng lực sáng tạo của các trường đại học trên thế giới***

Các trường ĐH của Mỹ chiếm đa số trong danh sách các ĐH sáng tạo nhất trên thế giới trong 3 năm liên tiếp 2015-2017, trong đó Stanford là trường ĐH giành vị trí hàng đầu; MIT (Massachusetts Instituteof Technology) và Havard đã giành vị trí thứ hai và thứ ba trong ba năm qua; đứng vị trí thứ tư là trường ĐH Pennsylvania (tăng lên bốn bặc từ vị trí thứ 8 so với năm 2016); xếp hạng ở vị trí thứ 5 trong danh sách là ĐH KU Leuven, Belgium. Châu Á chỉ có hai trường ĐH đến từ đất nước Hàn Quốc nằm trong danh sách 20 trường ĐH dẫn đầu về năng lực sáng tạo trên toàn cầu trong năm 2017 là Viện khoa học và công nghệ tiên tiến Hàn Quốc (Korea Advanced Institute of Science and Technology) xếp thứ 6 và ĐH Khoa học và Công nghệ Pohang (Pohang University of Science and Technology) xếp vị trí thứ 14 (Bảng 1).

***Bảng 1.*** *20 trường đại học dẫn đầu về năng lực sáng tạo trên toàn cầu*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ hạng** | **Trường đại học (quốc gia)** | **Thứ hạng** | **Trường đại học (quốc gia)** |
| 1 | Stanford University (Mỹ) | 11 | Duke University (Mỹ) |
| 2 | Massachusetts Institute of Technology(Mỹ) | 12 | University of California System (Mỹ) |
| 3 | Harvard University (Mỹ) | 13 | Northwestern University(Mỹ) |
| 4 | University of Pennysylvania (Mỹ) | 14 | Pohang University ofScience and Technology (Hàn Quốc) |
| 5 | KU Leuven (Bỉ) | 15 | Imperial College London (Anh) |
| 6 | KAIST (Hàn Quốc) | 16 | Cornell University (Mỹ) |
| 7 | University of Washington (Mỹ) | 17 | California Institute of Technology (Mỹ) |
| 8 | UniversityofMichigan System(Mỹ) | 18 | [University of Wisconsin System](https://www.reuters.com/innovative-universities-2017/profile?uid=18) (Mỹ) |
| 9 | University of Texas System (Mỹ) | 19 | Federal Polytechnic School of Lausanne [(Thuỵ Sĩ](https://www.reuters.com/innovative-universities-2017/profile?uid=19)) |
| 10 | Vanderbilt University (Mỹ) | 20 | University of Southern California (Mỹ) |

Nguồn: David Ewalt, Reuters Top 100: The World's Most Innovative Universities–2017

Trong bảng xếp hạng các trường ĐH sáng tạo nhất khu vực châu Á 2017 Trung Quốc có 22 trường; Hàn Quốc và Nhật có 20 trường; Úc có 6 trường;Singapore, Ấn Độ và Malaysia đều có 2 trường lọt vào danh sách; không nằm trong danh sách xếp hạng là ĐH của các quốc gia như Indonesia, Pakistan, Bangladesh, Philippines và ViệtNam (bảng 2).

***Bảng 2.*** *20 trường đại học dẫn đầu về năng lực sáng tạo ở châu Á*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ hạng** | **Trường đại học (Quốc gia)** | **Thứ hạng** | **Trường đại học (Quốc gia)** |
| 1 | KAIST (Hàn Quốc) | 11 | National University of Singapore (Singapore) |
| 2 | Seoul National University (Hàn Quốc) | 12 | Tokyo Institute of Technology (Nhật) |
| 3 | University of Tokyo (Japan) | 13 | Peking University (China) |
| 4 | POSTECH(Hàn Quốc) | 14 | Yonsei University (Hàn Quốc) |
| 5 | Sungkyunkwan University (Hàn Quốc) | 15 | Korea University (Hàn Quốc) |
| 6 | Tsinghua University (Trung Quốc) | 16 | Keio University (Nhật) |
| 7 | Tohoku University (Nhật) | 17 | Kyushu University (Nhật) |
| 8 | Kyoto University (Nhật) | 18 | Gwangju Institute of Science &Technology (Hàn Quốc) |
| 9 | Osaka University (Nhật) | 19 | Zhejiang University (Trung Quốc) |
| 10 | Hanyang University (Hàn Quốc) | 20 | Shanghai Jiao Tong University (Trung Quốc) |

Nguồn: David Ewalt, Asia’s Most Innovative Universities – 2017

Bảng xếp hạng cho thấy, các trường ĐH của Hàn Quốc đã chiếm tới 4 trong số 5 vị trí hàng đầu và 8 trong số 20 trường ĐH đứng đầu trên bảng xếp hạng, xếp sau các trường ĐH của Nhật và Hàn Quốc là các trường ĐH Trung Quốc và Singapore. Nhật và Hàn Quốc là hai quốc gia diện tích không lớpn và dân số không đông ở Châu Á nhưng là nước dẫn đầu khu vực về NLST trong các trường ĐH. Trung Quốc có 3 trường lọt vào danh sách các trường ĐH dẫn đầu về NLST ở Châu Á năm 2017, trong đó có ĐH Thanh Hoa từ vị trí 13 năm 2016 vươn lên vị trí thứ 6 trong bảng xếp hạng, Đại học Bắc Kinh từ vị trí thứ 16 vươn lên vị trí thứ 13 và nhân tố mới là Đại học Shanghai Jiao Tong.Một số quốc gia không có tên trường ĐH nào nằm trong danh sách xếp hạng đó là: Indonesia Pakistan, Bangladesh (các quốc gia có dân số lớn thứ ba, thứ tư, thứ năm của khu vực châu Á) hay bất kỳ trường ĐH nào ở Philippines và Việt Nam - hai nền kinh tế lớn trong khu vực Châu Á hiện nay.

Trong bối cảnh thế giới ngày nay, các trường ĐH trên khắp thế giới cần tiếp tục nuôi dưỡng sự đổi mới, tìm kiếm những cách thức mới và sáng tạo trong mối quan hệ giữa nghiên cứu và thương mại hoá, CGCN kết quả nghiên cứu trong khu vực doanh nghiệp nhằm tận dụng triệt để kết quả nghiên cứu và sức mạnh sáng tạo, đồng thời nâng cao NLST và vị thế của trường ĐH, trong đó, SHTT là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu để nâng cao NLST và tiến đến đánh giá mức độ hội nhập của một trường ĐH. Mối quan hệ giữa hoạt động SHTT và NLST của các tổ chức nói chung và của trường ĐH nói riêng đã được đề cập đến trong nhiều nghiên cứu lí luận và thực tiễn.

***4.3. Mối quan hệ giữa hoạt động sở hữu trí tuệ và năng lực sáng tạo của trường đại học***

Vai trò của SHTT được nhìn nhận như là một thành phần quan trọng của các hệ thống đổi mới quốc gia (Cullet & Kameri-Mbote, 2005), đặc biệt các hệ thống Quyền SHTT dự kiến ​​sẽ đóng vai trò xúc tác trong việc khuyến khích đổi mới và CGCN thành công từ các cơ sở nghiên cứu và giáo dục ĐH (Cullet & Kameri-Mbote, 2005; OECD, 1997; Mugabe, 2006); Blakeney & Mengistie (2011) mô tả Quyền SHTT như là “thành phần của cơ sở hạ tầng phát triển”, thông qua mối quan hệ nhân quả quan trọng giữa SHTT – Chuyển giao công nghệ (CGCN) và phát triển. Nghiên cứu của Constantinescu & cộng sự (2016) nhấn mạnh đến tầm quan trọng của"Sở hữu trí tuệ trong tổ chức" (*Intellectual Property in the Organization*), "giá trị sở hữu trí tuệ" *(Intellectual property value)*và sự cần thiết ứng dụng các tài sản SHTT trong khu vực tư nhân để những kết quả nghiên cứu trong các khu vực công trở nên hiệu quả hơn.Tài sản SHTT trong nghiên cứu được coi theo quan điểm của hai thành phần, một mặt là tài sản công nghiệp, bản quyền và các quyền liên quan, mặt khác là một công cụ mạnh mẽ cho sự phát triển và phúc lợi kinh tế, xã hội và phát triển văn hoá của một quốc gia, theo tác giả, SHTT là một trong những tài sản có giá trị nhất có thể đo được tính khả thi vàhiệu suất tương lai của một tổ chức; sự kích thích năng lực sáng tạo của một quốc gia là một quá trình có hệ thống, đồng nhất liên quan đến quyền SHTT. Trong một nghiên cứu khác của Sara Medina & Kai Zhang (2014), Quyền SHTT được xem là một yếu tố quan trọng trong khung điều kiện của Khoa học, Công nghệ và Đổi mới (STI - Science, Technology and Innovation). Số lượng bằng sáng chế quốc tế đã đạt được cũng là một chỉ báo tốt về cách thức quản lý SHTT ảnh hưởng đến sự hợp tác STI quốc tế khi nó tái lập quy trình đổi mới trong và ngoài nước. Đồng thời WIPO (World Intellectual Property Organization - Tổ chức SHTT thế giới) nhấn mạnh đến một chính sách SHTT phù hợp sẽ là nền tảng của sự đổi mới và sáng tạo cho các trường ĐH và PRI (Public research institutions - Viện nghiên cứu công). WIPO (2017) đã luôn kiên trì với mục tiêu đẩy mạnh hoạt động sáng tạo và tạo điều kiện chuyển giao công nghệ liên quan đến SHTT sang các nước đang phát triển để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa, đồng thời bảo vệ quyền SHTT trên toàn thế giới. Trong đó, khuyến khích sáng tạo, mối quan hệ giữa tài sản trí tuệ và sự sáng tạo (Encouraging Creativity - the Link Between IP and Creativity) là một thông điệp WIPO nhấn mạnh, chính hệ thống SHTT là công cụ giúp duy trì, nuôi dưỡng sự sáng tạo và đảm bảo lợi ích cho những người sáng tạo.

Các nghiên cứu thực tiễn mô hình quản lý SHTT ở trường ĐH cũng cho thấy mối quan hệ giữa quản lý hoạt động SHTT với nâng cao năng lực sáng tạo của trường ĐH, tiểu biểu như nghiên cứu của Giorgio (2006) đề cập đến mô hình chuyển CGCNcủa ĐH Quốc gia Campinas (University of Campinas – Unicamp); Guo (2007) nghiên cứuvề mô hình quản lý SHTT ở ĐH Thanh Hoa, Trung Quốc, được xem là một điển hình thuyết phục về quản lý SHTT cho các trường ĐH Trung Quốc và trong khu vực Châu Á;Wang (2012) đánh giá hệ thống pháp lý và thực tiễn chuyển giao công nghệ tại Đài Loan;Nhóm tác giả Sabrina, Valeria, Aurora, Henrique (2013) công bố kết quả nghiên cứu về mô hình quản lý SHTT và cách thức áp dụng các chính sách để giải quyết các vấn đề về quyền SHTT (IPR) cũng như cấp phép công nghệ ở 4 trường ĐH tại Brazil: ĐH Tiểu bang Campinas (Unicamp); ĐH Liên bang Minas Gerais (UFMG); ĐH Liên bang Rio de Janeiro (UFRJ); ĐH Liên bang Rio Grande do Sul (UFRGS). Các nghiên cứu cho thấy có nhiều sự khác biệt trong quản lý SHTT ở các trường ĐH, đặc biệt TTO (Technology transfer office - Văn phòng chuyên trách CGCN) của các trường là một trung tâm năng động đóng góp to lớn cho trường ĐH khi trao bằng sáng chế và CGCN cũng như điều phối các hoạt động liên quan đến sáng chế và CGCN một cách khoa học và đạt hiệu quả cao.

Sara, Medina, Kai Zhang, 2014 cho rằng, một trong những yếu tố giúp thúc đẩy, quản lý và bảo vệ đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp cũng như trường ĐH chính là SHTT, hay nói cách khác, SHTT giúp nâng tầm sáng tạo cho doanh nghiệp, trường ĐH và các tổ chức nghiên cứu. Quyền SHTT đã được xác định ở nhiều quốc gia như một cơ chế cung cấp các ưu đãi cần thiết cho việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu trường ĐH, dữ liệu từ một số nước châu Á cho thấy sự gia tăng rõ rệt về số lượng đơn xin cấp bằng sáng chế được đệ trình bởi các trường ĐH, chính phủ các nước đã ban hành chính sách thúc đẩy CGCN nghệ ĐH, và nhiều trường ĐH châu Á đã áp dụng chính sách SHTT chính thức và thành lập văn phòng CGCN để quản lý quyền SHTT. Đổi mới sáng tạo và tài sản trí tuệ được xem là động lực quan trọng thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế, Việt Nam đứng thứ 52/141 quốc gia trong Bảng xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2015, nhưng năm 2016 chỉ đứng vị trí 59/128 quốc gia trong Bảng xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của WIPO và chỉ khoảng 20 - 30% số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo, bên cạnh đó, các trường ĐH Việt Nam vắng bóng trong danh sách bảng xếp hạng kể cả trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (IPP, 2016). Nguyên nhân của tình trạng này là do sự tăng trưởng của Việt Nam trong thời gian qua chủ yếu nhờ yếu tố lao động phổ thông và tài nguyên, trong khi đó các yếu tố công nghệ và tri thức còn ít, dẫn đến năng lực cạnh tranh không cao. Vì vậy, phát triển kinh tế tri thức được xác định là hướng đi quan trọng để Việt Nam theo kịp sự phát triển của thế giới, trong đó sử dụng vốn tài nguyên và lao động gia tăng thông qua việc áp dụng cộng nghệ, kỹ thuật mới, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, nâng cao trình độ quản lý và kỹ năng của người lao độnghay nói cách khác, chính là tăng cường các hoạt động đổi mới sáng tạo của các tổ chức và cá nhân.

***4.4. Định hướng quản lý sở hữu trí tuệ ở các trường đại học Việt Nam***

Trong bối cảnh hiện nay việc thực thi pháp luật SHTT là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng đào tạo và tiến đến đánh giá mức độ hội nhập của một trường ĐH, chính vì vậy, trường ĐH là một trong những địa chỉ quan trọng cần xây dựng môi trường văn hóa SHTT, hơn nữa việc quản lý và khai thác hoạt động SHTT ở trường ĐH ngày càng trở nên cần thiết, cấp bách. Trên thực tế, các trường ĐH Việt Nam hiện nay đã có những triển khai ban đầu về hoạt động SHTT và quản lý hoạt động SHTT, tuy nhiên, có thấy rằng, hoạt động SHTT và quản lý SHTT tại các trường ĐH chưa được phát huy có hiệu quả. Nguyên nhân chủ yếu là do các quy định pháp luật và việc thực thi quyền SHTT còn nhiều điểm bất cập, việc tổ chức thực thi quyền SHTT chưa có hiệu quả, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng chưa được tốt. Quản lý hoạt động SHTT ở trường ĐH muốn thực hiện có hiệu quả thì ngoài nguồn lực nội sinh nhà trường còn cần sự hỗ trợ của nhà nước, sự phối hợp của nhiều cơ quan quản lý nhà nước có liên quan từ việc ban hành và triển khai cơ chế, chính sách phù hợp đến việc đăng ký quyền SHTT, giám sát thực thi và thực hiện chế tài đối với vi phạm các đối tượng SHTT. Chính vì vậy, trước hết cần nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với SHTT, đẩy mạnh hoạt động sáng tạo và quản lý tốt SHTT từ những nguồn nội sinh, trong đó có các trường ĐH.

Căn cứ theo điều 4 quy định về các nội dung quản lý hoạt động SHTT trong cơ sở giáo dục ĐH theo Quyết định số 78/2008/QĐ- BGDĐT về quản lý hoạt động SHTT trong cơ sở giáo dục đại học; trên cơ sở mô hình quản lý, khai thác SHTT của Trương Thùy Trang (2007); đồng thời dựa trên việc nghiên cứu mô hình quản lý SHTT ở các trường ĐH Brazil; ĐH Thanh Hoa, Trung Quốc làm cơ sở đối chiếu và đề xuất chính sách phù hợp áp dụng trong bối cảnh quản lý hoạt động SHTT cho các trường ĐH Việt Nam liên quan đến:Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, nhà khoa học về bảo hộ tài sản SHTT ở trường ĐH; Thành lập bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT và đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên bộ máy quản lý SHTT; Xây dựng, hoàn thiện quy chế, chính sách về bảo vệ quyền sở hữu SHTT và xử lý vi phạm quyền SHTT. Trong phạm vi bài viết, tác giả hướng tới những đề xuất đối với các chủ thể hoạt động trong trường ĐH có liên quan trực tiếp đến hoạt động SHTT và quản lý hoạt động SHTT nhằm nâng cao năng lực sáng tạo của các trường ĐH Việt Nam.

*- Đối với các nhà hoạch định chính sách SHTT của Nhà nước:* Từ thực tế hoạt động SHTT của các trường ĐH Việt Nam hiện nay cho thấy sự thiếu hụt về mặt chính sách đã góp phần làm cho việc quản lý SHTT bị trì trệ. Một chính sách cung cấp rõ ràng về quyền SHTT cho các nghiên cứu do chính phủ tài trợ sẽ tạo ra động cơ khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, trường ĐH hợp tác, tìm kiếm bất kỳ lợi ích có thể có từ việc tuyên bố quyền sở hữu, điều này sẽ thúc đẩy xu hướng cấp bằng sáng chế ĐH.Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần quan tâm thực hiện các bước để giải quyết những thách thức về thị trường, cải thiện luồng thông tin, cơ sở hạ tầng thị trường và điều kiện tài chính khuyến khích đầu tư vào công nghệ của các trường ĐH.

*- Đối với nhà quản lý, lãnh đạo trường đại học, tổ chức nghiên cứu (R&D)*

+ Các nhà quản lý, lãnh đạo trường ĐH, tổ chức nghiên cứu cần chú trọng tiến hành việc soạn thảo và thực hiện chính sách, thể chế của tổ chức về quản lý hoạt động SHTT, trong đó phản ánh tầm nhìn, sứ mệnh của nhà trường, đồng thời ban hành các quy trình thực hiện công tác quản lý SHTT. Quy trình quản lý hoạt động SHTT cần hướng dẫn cụ thể từ công tác phát hiện, khai báo, ghi nhận, thống kê, đăng ký bảo hộ đến xúc tiến thương mại đối với SHTT.

+ Xây dựng và hỗ trợ văn phòng chuyên tráchSHTT có các nguồn lực và năng lực để bảo vệ và khai thác, thương mại hoá tài sản trí tuệ, vì lợi ích của cả nhà trường và xã hội; chú trọng giải quyết các thách thức trong sự phù hợp về thể chế với nhu cầu thị trường, muốn vậy, đòi hỏi những cách tiếp cận và chiến lược khác nhau, dựa trên các chuyên môn khác nhau. Văn phòng quản lý SHTT của trường ĐH chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục đăng ký bảo hộ độc quyền các sản phẩm khoa học của cán bộ, giảng viên, nhà khoa học, nhà nghiên cứu; đồng thời chú trọng việc khai thác giá trị SHTT bằng hoạt động thương mại hóa quản lý hoạt động SHTT trong trường ĐH. Vì vậy, văn phòng chuyên trách quản lý SHTT cần tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, được đào tạo nghiêm túc về SHTT và quản trị SHTT, am hiểu và dành toàn bộ thời gian cho công việc phụ trách quản lý SHTT.

*- Đối với cán bộ chuyên trách hoạt động quản lý SHTT:* Là chuyên gia về SHTT trong nhà trường, mỗi cán bộ chuyên trách quản lý SHTT cần chủ động tư vấn về mặt hành chính, pháp lý, về chính sách SHTT cho các nhà khoa học, nghiên cứu, nhà quản lý trường ĐH để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động SHTT trong nhà trường. Cần nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc thúc đẩy các nhiệm vụ KHCN của nhà trường nhằm xây dựng hệ thống chuyển giao những thành quả của NCKH công nghệ cho thị trường trên các khía cạnh: giao dịch, tiếp thị và thu hút đầu tư từ bên ngoài. Bên cạnh đó, với chức năng tham mưu, người phụ trách hoạt động quản lý cũng cần có sự theo dõi, giám sát và hỗ trợ trong quá trình khai báo của nhà khoa học.

- *Đối với nhà nghiên cứu, nhà khoa học, cán bộ giảng viên trong trường đại học*: Các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, cán bộ giảng viên trong trường ĐH có giải pháp kỹ thuật hoặc sáng chế, đề tài NCKHcần được công bố qua các bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, nếu có khả năng phát sinh SHTT thì cần phải được công bố đăng ký SHTT, nộp đơn sáng chế, thậm chí thương mại háa các thành tựunghiên cứu khoa học và công nghệ. Đây cũng chính là các minh chứng, thành quả có ý nghĩa to lớn trong việc thúc đẩy sự nghiệp của nhà khoa học, nhà nghiên cứu, cán bộ, giảng viên trong giới học thuật đồng thời là căn cứ để đánh giá NLST của trường ĐH. Nhiệm vụ này là trách nhiệm của bản thân người nghiên cứu bởi họ mới chính là người hiểu thấu đáo về công trình nghiên cứu của mình.

**5. Kết luận**

Quản lý nhà nước về SHTT và quản lý hoạt động SHTT ở trường ĐH là một công việc phức tạp, vừa cấp bách, vừa lâu dài, đặc biệt, cần tính đến bối cảnh kinh tế, văn hoá cụ thể của mỗi nước cũng như tuỳ thuộc vào lĩnh vực đào tạo và yêu cầu nghiên cứu, mỗi trường có thể tự chọn cho mình cơ chế đặc thù để quản lý và bảo hộ quyền SHTT, tuy nhiên với những đặc điểm chung của một cơ sở có chức năng đào tạo ở bậc ĐH và sau ĐH, đồng thời trong chừng mực phạm vi quyền hạn của mình, các trường ĐH cũng có thể hoàn thiện các chính sách quản lý hoạt động SHTT trong trường ĐH để thực hiện tốt hơn công việc này. Trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu về NLST của trường ĐH, mối quan hệ giữa quản lý SHTT và NLST của trường ĐH, bài viết có những đề xuất đối với các chủ thể hoạt động trong trường ĐH có liên quan trực tiếp đến hoạt động SHTT và quản lý hoạt động SHTT như: Nhà hoạch định chính sách SHTT của Nhà nước; Nhà quản lý, lãnh đạo trường ĐH, tổ chức nghiên cứu (R&D); Đội ngũ cán bộ chuyên trách hoạt động quản lý SHTT trong trường ĐH; các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, cán bộ giảng viên trong trường ĐH nhằm nâng cao năng lực sáng tạo của các trường ĐH Việt Nam.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Nguyễn Thị Quế Anh. (2008). Nhu cầu đào tạo về Sở hữu trí tuệ trong các trường Đại học Việt Nam, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế - Luật 24. 9 -17.

Báo cáo điều tra của Dự án đổi mới sáng tạo IPP (Innovation Partnership Program) thuộc đề án tổ chức sự kiện ngày Sở hữu trí tuệ (2016), Chương trình Đối tác Đổi mới Sáng tạo Việt Nam – Phần Lan, tra cứu ngày 15/7/2018 từ noip.gov.vn/NOIP/RESOURCE.NSF/.../World-IP-Day-2016%20(bản%20gửi).pdf.

Trương Thùy Trang. (2007). *Hoạt động SHTT trong các trường đại học cao đẳng.* Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội, Việt Nam.

Blakeney M and G Mengistie. (2011). *Intellectual Property and Economic Development in sub-Saharan Africa*. Journal of World Intellectual Property 14(3/4): 238–264. Doi: 10.111/j.1747-1796-00417.x).

Clarivate. (2017). *Innovative Universities: Connecting the Dots*. Retrieved from: <https://clarivate.com/wpcontent/uploads/2017/10/Innovative_Universities_Connecting_the_Dots_July_2017.pdf>.

Cullet P and P Kameri-Mbote. (2005). *Intellectual Property Rights and Sustainable Development: Towards a Common African Institutional Framework and Strategy, Background Study for NEPAD’s Steering Committee on Science and Technology*. Geneva: International Environmental Law Research Centre

David Ewalt. (2017). *Reuters Top 100: The World's Most Innovative Universities – 2017*. <https://www.reuters.com/article/us-amers-reuters-ranking-innovative-univ/reuters-top-100-the-worlds-most-innovative-universities-2017-idUSKCN1C209R>

David Ewalt. (2017). *Asia Pacific’s Most Innovative Universities – 2017*. https://www.reuters.com/article/us-asiapac-reuters-ranking-innovative-un/asia-pacifics-most-innovative-universities-2017-idUSKBN18Y24R

Kamil Idris. (2005). *SHTT, Một công cụ phát triển kinh tế hữu hiệu*. NXB WIPO.

Mihai Constantinescu, Paula Frusinoiu,Crina Diaconu. (2016)*. Intellectual Property in society development.* Proceedings of the 10th International management conference "Challenges of Modern Management", November 3rd-4th, 2016, Bucharest, Romania.

Sara Medina & Kai Zhang. (2014). *Intellectual Property Rights in Southeast Asia.* Report based on a workshop on Intellectual Property Rights, ASEAN-EU STI days 21-22 January 2014, Bangkok, https://sea-eu.net/object/document/130/attach/IPR\_final24032014.pdf

Sabrina da rosa pojo, Valeria schneider, Aurora carneiro sen, Henrique machado barros. (2013). *Management of Intellectual Property in Brazilian Universities: a Multiple Case Study*. Retrieved April 16, 2017 from: <https://www.insper.edu.br/en/wp-content/uploads/2014/01/2013_wpe330.pdf>

Rosana Ceron Di Giorgio. (2006). *From University to Industry: Technology Transfer at Unicamp in Brazil.* IPhandbook of best practices. Retrieved April 10, 2017 from: <http://www.iphandbook.org/handbook/ch17/p16/index.html>

Hua Gua, “IP Management at Chinese Universities”, IPhandbook of best practices. Retrieved April 10, 2017 from <http://www.iphandbook.org/handbook/ch17/p16/index.html>

WIPO – Work intellectual property Organization (2017, March 10). *IP Policies for Universities and Research Institutions.* Retrieved from: <http://www.wipo.int/policy/en/university_ip_policies/>

Wei-Lin Wang. (2012). *Review of the legal scheme and practice of technology transfer in Taiwan*. Vol. 1 NTUT J. of Intell. Prop. L. & Mgmt, [www.iip.ntut.edu.tw/.../NTUTJournal-2012-v1i2-4-WangWL.pdf](http://www.iip.ntut.edu.tw/.../NTUTJournal-2012-v1i2-4-WangWL.pdf)

1. \* Email: pham\_thuyhang2001@yahoo.com [↑](#footnote-ref-1)